TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 486/2023/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 25 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 629/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 giữa:

***** *Nguyên đơn*: **Trương Thị Trí S,** sinh năm: 1988.

Địa chỉ: G, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

***** *Bị đơn*: **Nguyễn Văn T,** sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Trí S và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Trương Thị Trí S và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

Ghi nhận chị S và anh T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2.2. Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Yến N, sinh ngày 01/7/2006, Nguyễn Hoàng Trí H, sinh ngày 26/12/2011 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 13/3/2014. Khi ly hôn, anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung.

Ghi nhận anh T không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

2.4. Về án phí: Chị S tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001583 ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị Trương Thị Trí S được nhận lại số tiền là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo số biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *UBND xã Quới Sơn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(Đã ky tên và đóng dấu)

Phan Thị Mỹ Hạnh